

CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

● PHẠM QUỐC HUÂN

Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Điện lực

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng dịch vụ FinTech của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) để nâng cao hiệu quả hoạt động trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Bằng cách sử dụng mô hình chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT), nghiên cứu khám phá vai trò của kỳ vọng hiệu quả, ảnh hưởng xã hội, điều kiện thuận lợi, kỳ vọng nỗ lực và kinh nghiệm trong việc định hình ý định áp dụng các giải pháp FinTech của SMEs. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị và chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng FinTech trong SMEs, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: FinTech, UTAUT, mô hình phương trình cấu trúc, SMEs, mục tiêu phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ FinTech, xuất hiện vào đầu những năm 1990 cùng với cuộc cách mạng Internet (Haddad & Hornuf, 2019) đã phát triển thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Trong thập kỷ qua, những tiến bộ nhanh chóng trong công nghệ kỹ thuật số đã thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực kinh tế, làm thay đổi các hoạt động truyền thống. Ngành tài chính đã được định hình lại bởi xu hướng này, với các ngân hàng truyền thống đã dần được thay thế bằng các mô hình ưu tiên kỹ thuật số tập trung vào các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) tiên tiến, quản lý dữ liệu và nguồn nhân lực chuyên môn (Campanella et al., 2025). Các dịch vụ FinTech được đánh giá cao vì tăng cường tính minh bạch, sự tham gia của người tiêu dùng, hiệu quả chi phí và

khả năng tiếp cận trong dịch vụ tài chính (Thanh Hương & Khánh Đoan, 2026). Bằng chứng thực nghiệm càng làm nổi bật tiềm năng của chúng trong việc thúc đẩy tính linh hoạt, hiệu quả, cá nhân hóa, giảm thiểu rủi ro và tăng trưởng toàn diện, khiến chúng trở nên không thể thiếu đối với các nền kinh tế hiện đại (Xuân Huy, 2025).

Nghiên cứu đóng góp vào tài liệu hiện có bằng cách mở rộng mô hình UTAUT sang bối cảnh doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), đặc biệt tập trung vào tính bền vững, nhấn mạnh vai trò của các yếu tố xã hội và bên ngoài trong việc thúc đẩy việc áp dụng FinTech, trái ngược với các đặc điểm cá nhân, và nó cung cấp những hàm ý thực tiễn cho các nhà cung cấp FinTech, các nhà hoạch định chính sách và SMEs, nhấn mạnh sự cần thiết của các hệ thống hỗ trợ, đào tạo và các giải pháp thân thiện với người dùng.

Nghiên cứu này cũng có những hàm ý thực tiễn. Các nhà cung cấp FinTech nên tìm ra các giải pháp phù hợp với nhu cầu của SMEs, cung cấp hỗ trợ gia nhập và sử dụng bằng chứng xã hội để xây dựng lòng tin và khuyến khích việc áp dụng. Ngoài ra, các nhà hoạch định chính sách nên tạo ra các hệ sinh thái hỗ trợ, cung cấp các ưu đãi tài chính và đảm bảo các quy định rõ ràng để thúc đẩy niềm tin vào công nghệ FinTech. Cuối cùng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tập trung vào việc điều chỉnh việc áp dụng FinTech phù hợp với các mục tiêu chiến lược và tận dụng các công cụ để nâng cao hiệu quả hoạt động và báo cáo bền vững.

2. Giả thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Giả thuyết đề xuất

Nghiên cứu sử dụng mô hình UTAUT, được sử dụng rộng rãi để giải thích ý định của người dùng liên quan đến việc áp dụng các đổi mới và hành vi sử dụng tiếp theo (Ferri et al., 2018). Mô hình này thực hiện điều đó thông qua 5 cấu trúc chính: kỳ vọng hiệu suất, kỳ vọng nỗ lực, ảnh hưởng xã hội, điều kiện thuận lợi và kinh nghiệm (Venkatesh et al., 2003) trong khi các tác giả trước đây đã tìm thấy những hiểu biết thú vị về các yếu tố cá nhân như giới tính, tuổi tác, kinh nghiệm và tính tự nguyện được đề xuất là các yếu tố trung gian trong mối quan hệ giữa các cấu trúc lý thuyết và ý định sử dụng công nghệ.

Mô hình UTAUT được đánh giá có khả năng giải thích cao đối với hành vi chấp nhận công nghệ và đã được kiểm chứng trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm. Theo McGrath và cộng sự (2014), mô hình này có thể giải thích hơn 70% hành vi chấp nhận công nghệ, cao hơn đáng kể so với nhiều mô hình khác vốn chỉ đạt dưới 40%. Bên cạnh đó, UTAUT được xem là công cụ hữu ích trong việc nghiên cứu sự chấp nhận các công nghệ mới nổi. Tuy nhiên, mô hình vẫn tồn tại một số hạn chế, đặc biệt là chưa xem xét đầy đủ tác động của sự không nhất quán giữa các niềm tin cốt lõi của người sử dụng đối với ý định hành vi và hành vi sử dụng công nghệ.

Trong bối cảnh nghiên cứu này, kỳ vọng về hiệu suất được khái niệm hóa là nhận thức của người dùng về công nghệ FinTech như một công cụ để nâng cao

năng suất, hợp lý hóa hoạt động và cải thiện hiệu quả tổ chức (Castilla-Polo & Guerrero-Baena, 2023). FinTech thường gắn liền với kỳ vọng cao do tiềm năng giảm bớt sự phức tạp, nâng cao và hiệu quả là tối quan trọng (Iqbal & Varma, 2024).

Nghiên cứu trước đây đã chỉ ra, kỳ vọng về hiệu suất là động lực quan trọng thúc đẩy ý định hành vi áp dụng và sử dụng các công nghệ mới. Các nghiên cứu đã chứng minh, khi các cá nhân nhận thấy một công nghệ có khả năng cải thiện đáng kể hiệu suất công việc, ý định áp dụng và tích hợp công nghệ đó vào quy trình làm việc sẽ tăng lên đáng kể. Mối quan hệ này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc định hình các công cụ công nghệ theo cách nhấn mạnh lợi ích nâng cao năng suất để thúc đẩy việc áp dụng.

Nghiên cứu này mở rộng khái niệm kỳ vọng về hiệu suất để xem xét vai trò ảnh hưởng đến ý định của SMEs trong việc áp dụng các dịch vụ FinTech nhằm nâng cao hiệu suất SDG (Castilla-Polo & Guerrero-Baena, 2023). Bằng cách nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ các sáng kiến liên quan đến SDG, các dịch vụ này phù hợp với những kỳ vọng gắn liền với lợi ích về hiệu suất. Dựa trên nền tảng lý thuyết và thực nghiệm này, tác giả đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu sau: (Hình 1)

Giả thuyết nghiên cứu đề xuất:

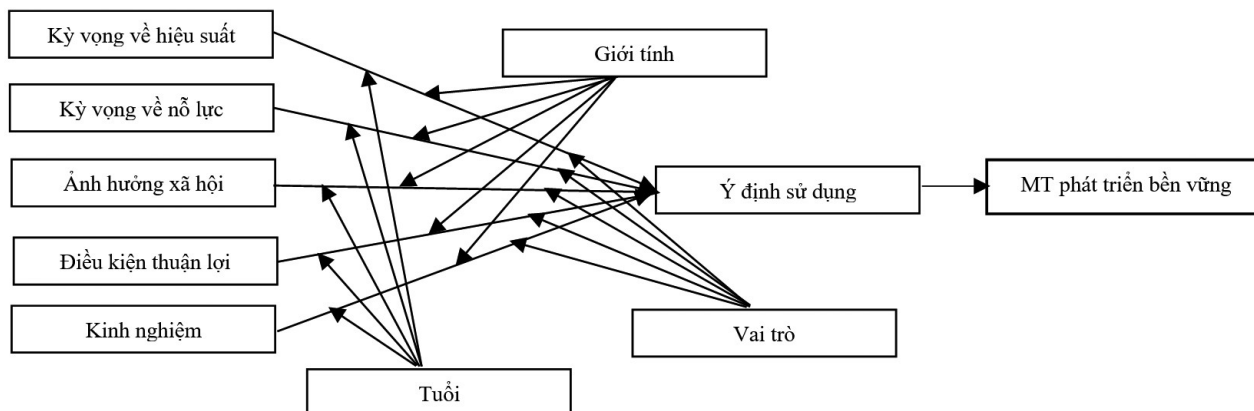
HP1. Kỳ vọng về hiệu suất ảnh hưởng tích cực đến ý định của SMEs trong việc áp dụng dịch vụ FinTech để nâng cao hiệu quả thực hiện Mục tiêu Phát triển bền vững (SDG).

HP2. Ảnh hưởng xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc định hình ý định của SMEs trong việc áp dụng các dịch vụ FinTech cho các chiến lược hướng tới SDG.

HP3. Các điều kiện thuận lợi, chẳng hạn như nguồn lực và cơ sở hạ tầng, tác động tích cực đến ý định của SMEs trong việc áp dụng các dịch vụ FinTech để đo lường và đạt được các mục tiêu SDG.

HP4. Kỳ vọng nỗ lực đóng góp tích cực vào ý định tích hợp dịch vụ FinTech vào hoạt động của SMEs để nâng cao các chỉ số hiệu suất SDG.

HP5. Trải nghiệm với các giải pháp kỹ thuật số tác động tích cực đến ý định của SMEs trong việc áp

Hình 1: Mô hình UTAUT điều chỉnh

dụng các dịch vụ FinTech để thúc đẩy các mục tiêu liên quan đến SDG.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi có cấu trúc dựa trên thang đo Likert 5 điểm để thu thập dữ liệu định lượng. Phù hợp với các nghiên cứu trước đây (Ferri et al., 2018), công cụ này bao gồm 28 mục tương ứng với 6 cấu trúc lý thuyết được rút ra từ mô hình UTAUT. Một phần ban đầu của bảng câu hỏi được dành để thu thập thông tin về các biến kiểm soát. Để giảm thiểu khả năng “thiên lệch do xu hướng trung tâm”, thang đo Likert số lẻ từ 1 (tối thiểu) đến 5 (tối đa) đã được sử dụng. Tất cả các mục đo lường đều được điều chỉnh từ các thang đo đã được kiểm chứng trong tài liệu và được sửa đổi để phù hợp với bối cảnh cụ thể của việc áp dụng FinTech trong SMEs.

Mặc dù bảng câu hỏi đề cập đến các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) như một chương trình nghị sự toàn diện chứ không phải nhắm vào các mục tiêu riêng lẻ, nhưng phần thảo luận kết nối mỗi cấu trúc với các SDGs cụ thể dựa trên ý nghĩa lý thuyết và sự phù hợp với các khuôn khổ quốc tế.

Sau giai đoạn thử nghiệm, bảng câu hỏi đã được gửi tới các SMEs của Việt Nam, (số lượng 205 phiếu trả lời). Đối với mỗi công ty được xác định, tác giả đã

thu thập thông tin của Giám đốc điều hành (CEO), cán bộ quản lý, nhân viên phòng công nghệ thông tin, chủ yếu thông qua gửi link khảo sát.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi đo lường độ phù hợp của mô hình, nghiên cứu đã thực hiện mô hình phương trình cấu trúc để hiểu tác động của từng biến tiềm ẩn đến ý định sử dụng công nghệ FinTech của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bảng 1 trình bày kết quả nghiên cứu.

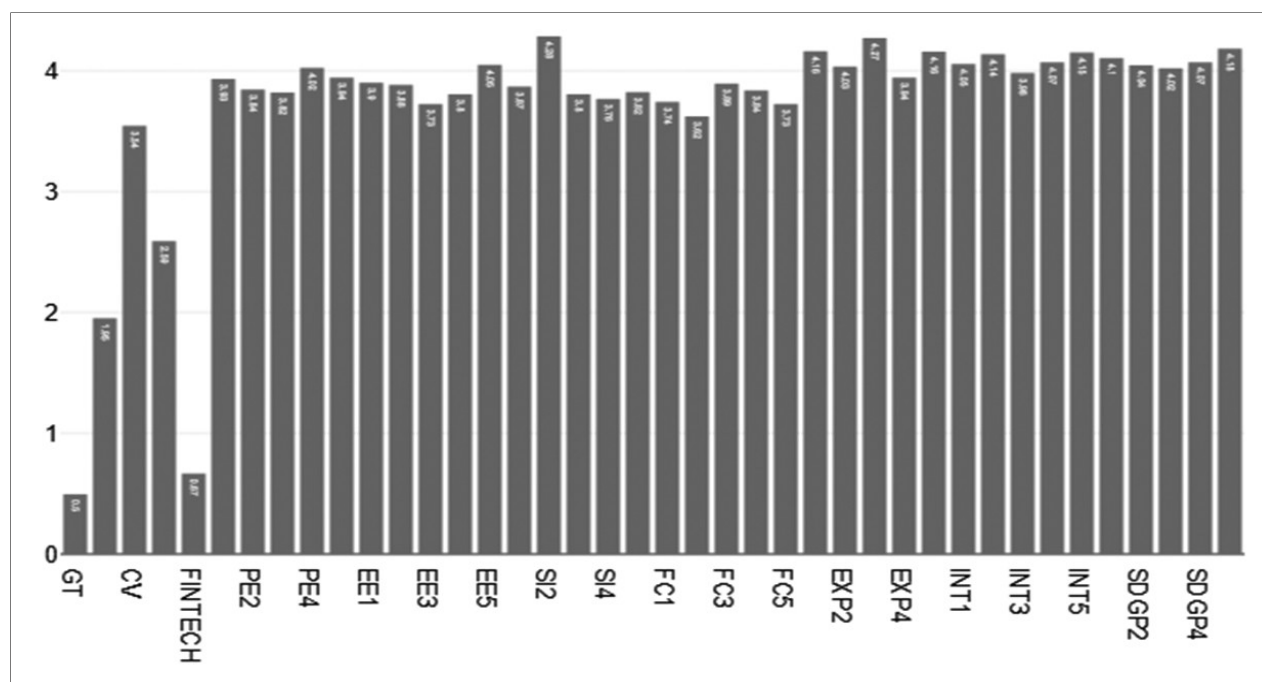
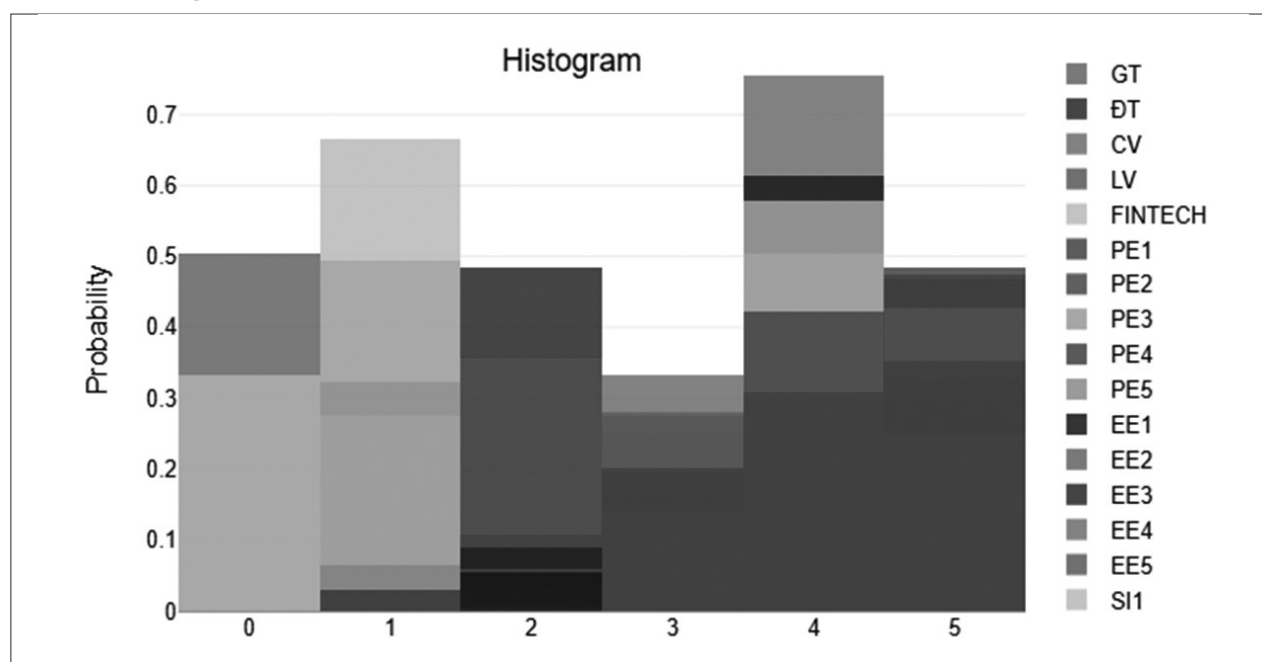
Kết quả hồi quy cho hàm số của mô hình như sau:

$$Y = 0.31 + 0.84INT1 - 0.23INT2 - 0.21INT3 + 1.38INT4 - 0.79INT5 - 0.27SDGP1 + 0.29SDGP2 - 0.87SDGP4 + 0.66SDGP5$$

Tóm lại, các phát hiện xác nhận kỳ vọng về hiệu suất và ảnh hưởng xã hội là những yếu tố dự báo mạnh nhất về việc áp dụng FinTech trong SMEs, cung cấp sự hỗ trợ mạnh mẽ cho khung UTAUT trong bối cảnh này. Các điều kiện thuận lợi và kinh nghiệm kỹ thuật số cũng nổi lên như những yếu tố thúc đẩy, trong khi kỳ vọng về nỗ lực lại là một rào cản đáng kể, đặc biệt đối với SMEs truyền thống hơn. Các yếu tố nhân khẩu học như tuổi tác cho thấy ảnh hưởng hạn chế nhưng đáng chú ý, trong khi các yếu tố khác (ví dụ: giới tính) dường như không có ý nghĩa thống kê. Những kết quả này không chỉ góp phần bổ

Bảng 1. Đo lường vòng lặp ANOVA

	Type III Sum of Squares	df	Mean Squares	F	p	η^2
Treatment	5531.81	39	141.84	330.67	<.001	0.62
Residual	3395.99	7917	0.43			

Hình 2: Giá trị Mean các biến khảo sát**Hình 3: Đồ thị phân bố các biến**

sung cơ sở lý luận về việc áp dụng FinTech trong doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn để xây dựng các giải pháp thúc đẩy ứng dụng FinTech, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs).

4. Hàm ý và kết luận

Nghiên cứu này điều tra việc áp dụng FinTech của các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách sử dụng mô hình UTAUT. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh, SI và PE là những yếu tố dự báo chính về việc áp dụng

Bảng 2. Các biến có ý nghĩa thống kê

Biến	B	t	p	Kết luận
INT1	0,84	12,80	<0,001	Có ý nghĩa
INT2	-0,23	-3,86	<0,001	Có ý nghĩa
INT3	-0,21	-3,90	<0,001	Có ý nghĩa
INT4	1,38	19,50	<0,001	Có ý nghĩa
INT5	-0,79	-7,48	<0,001	Có ý nghĩa
SDGP1	-0,27	-3,69	<0,001	Có ý nghĩa
SDGP2	0,29	4,49	<0,001	Có ý nghĩa
SDGP4	-0,87	-12,75	<0,001	Có ý nghĩa
SDGP5	0,66	12,47	<0,001	Có ý nghĩa

Biến không có ý nghĩa thống kê:

Biến	B	t	p
SDGP3	0,09	1,35	0,180

Do $p = 0,180 > 0,05$ nên SDGP3 không có ý nghĩa thống kê.

FinTech, trong trong khi đó, các yếu tố cá nhân không thể hiện ảnh hưởng đáng kể hoặc có mức độ tác động thấp hơn so với các yếu tố thuộc môi trường và lợi ích kỳ vọng.

Các hiệp hội, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) cùng các đơn vị tư vấn uy tín có thể góp phần nâng cao mức độ tin cậy đối với các sản phẩm và dịch vụ FinTech. Bên cạnh đó, việc khuyến khích các doanh nghiệp đã ứng dụng FinTech thành công chia sẻ kinh nghiệm hoặc tham gia các hoạt động giới thiệu, chứng thực cũng giúp củng cố niềm tin và thúc đẩy các doanh nghiệp khác mạnh dạn áp dụng các giải pháp này. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các yếu tố cá nhân, như đặc điểm nhân khẩu học của người ra quyết định trong doanh nghiệp, có ảnh hưởng không đáng kể đến quyết định áp dụng FinTech.

Đối với các nhà hoạch định chính sách, cần xây dựng hệ sinh thái thuận lợi nhằm giảm bớt các rào cản và tăng cường niềm tin của doanh nghiệp đối với FinTech. Một trong những giải pháp quan trọng là thúc đẩy các hoạt động kết nối, chia sẻ kinh nghiệm thông qua diễn đàn, hội thảo và các sự kiện chuyên

ngành, tạo điều kiện để các doanh nghiệp học hỏi từ những mô hình ứng dụng FinTech thành công. Đồng thời, việc triển khai các chính sách hỗ trợ như trợ cấp, ưu đãi thuế hoặc các chương trình hỗ trợ tài chính sẽ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và ứng dụng FinTech. Bên cạnh đó, cần tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận, triển khai và khai thác hiệu quả các giải pháp FinTech.

Nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết của các chiến lược phối hợp tích hợp đổi mới tư nhân với các cơ chế hỗ trợ công cộng để thúc đẩy sự lan tỏa FinTech trong các SME. Thực tế, các nhà cung cấp FinTech và các nhà hoạch định chính sách cần hợp tác để giảm bớt các rào cản trong việc áp dụng và nâng cao niềm tin của SMEs vào các giải pháp kỹ thuật số. Ví dụ, các nhà cung cấp FinTech có thể tăng sức ảnh hưởng xã hội bằng cách tích cực tham gia vào cộng đồng SMEs và các mạng lưới chuyên nghiệp. Hợp tác với các hiệp hội ngành nghề và tận dụng những khách hàng hài lòng làm đại sứ thương hiệu hoặc các trường hợp nghiên cứu có thể tăng cường đáng kể niềm tin và uy tín.

Đồng thời, các cơ quan nhà nước nên thiết kế các chính sách củng cố và bổ sung cho các sáng kiến của khu vực tư nhân. Điều này bao gồm việc cung cấp các ưu đãi tài chính (ví dụ: trợ cấp, tín dụng thuế), hỗ trợ kỹ thuật và các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu cụ thể của SMEs. Hơn nữa, Chính phủ có thể đóng góp vào việc chuẩn hóa các thực tiễn tốt nhất và sự rõ ràng về quy định, giảm bớt sự phức tạp và rủi ro, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tích hợp các công cụ FinTech vào các chiến lược bền vững phù hợp với các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs).

Cuối cùng, sự phối hợp giữa khu vực công và tư nhân có thể tạo ra một hệ sinh thái đổi mới hỗ trợ, phù hợp với mục tiêu của tất cả các bên liên quan. Các nhà cung cấp FinTech có được cơ sở khách hàng rộng hơn và đáng tin cậy hơn, các nhà hoạch định chính sách hỗ trợ khả năng phục hồi kinh tế và chuyển đổi kỹ thuật số, và SMEs được hưởng lợi từ các công cụ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, đo lường tính bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn. Tóm lại, bằng cách tập trung vào các công cụ mang lại những cải tiến hiệu suất có thể đo lường được, SMEs có thể đạt được hiệu quả hoạt động cao hơn. Tận dụng bằng chứng xã hội là một cách tiếp cận mạnh mẽ khác; việc tương tác với các đồng nghiệp hoặc doanh nghiệp

trong cùng ngành đã áp dụng thành công FinTech có thể cung cấp những hiểu biết có giá trị và giảm bớt sự không chắc chắn.

Mặc dù có những đóng góp, nghiên cứu này vẫn có một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu tập trung vào một mẫu các SME tại Việt Nam, có thể không đại diện cho sự đa dạng của hệ sinh thái SME toàn cầu. Các nghiên cứu trong tương lai nên khám phá việc áp dụng FinTech trong bối cảnh rộng hơn và đa dạng hơn. Thứ hai, việc sử dụng khảo sát cắt ngang hạn chế khả năng quan sát những thay đổi trong hành vi áp dụng theo thời gian. Các nghiên cứu theo chiều dọc có thể cung cấp những hiểu biết sâu sắc hơn về cách thức áp dụng FinTech phát triển để đáp ứng những tiến bộ công nghệ và thay đổi thị trường. Cuối cùng, mặc dù mô hình UTAUT hiệu quả, nhưng các yếu tố tổ chức và môi trường bổ sung, (SME) đổi mới có thể dẫn đến sai lệch chọn lọc, vì các doanh nghiệp này thường có xu hướng áp dụng công nghệ mới hơn và có nhiều nhân viên am hiểu kỹ thuật số hơn, chẳng hạn như các nhà quản lý đổi mới. Lựa chọn chiến lược này được thúc đẩy bởi trọng tâm của nghiên cứu vào việc áp dụng FinTech và sự phù hợp của nó với các mục tiêu chuyển đổi số và bền vững, những mục tiêu này có nhiều khả năng hiện diện trong các tổ chức như vậy ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Nguyễn Thị Thanh Hương & Ngô Huỳnh Khánh Đoàn. (2026). Tác động của Fintech đến hiệu suất bền vững của các ngân hàng thương mại Việt Nam: Vai trò trung gian của tài chính xanh và điều tiết của chuyển đổi số. Tạp chí Kinh tế tài chính online, <https://nghiencuu.tapchikinhjetaichinh.vn/tac-dong-cua-fintech-den-hieu-suat-ben-vung-cua-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-vai-tro-trung-gian-cua-tai-chinh-xanh-va-dieu-tiet-cua-chuyen-doi-so-144457.html>
- Trần Xuân Huy (2025). Tác động của Fintech đến thị trường tài chính Việt Nam. Tạp chí Công Thương, 14. <https://tapchicongthuong.vn/tac-dong-cua-fintech-den-thi-truong-tai-chinh-viet-nam-234246.htm>
- Campanella, F. Meles, A., S., & L. and Verdoliva. (2025). Driving credit access through ESG performance: a European perspective. *Finance Research Letters*, 82, 107296. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.107296>
- Castilla-Polo, & F. Guerrero-Baena, M. D. (2023). The business case for sustainability reporting in SMEs: consultants' and academics' perceptions. *Sustainable Development*, 31(5), 3224-3238. <https://doi.org/10.1002/sd.2576>
- Ferri, L., Ginesti, G., & Spanò, R. a., A. (2018). Exploring the entrepreneurial intention of female student in Italy. *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, 4(3), 27. <https://doi.org/10.3390/joitmc4030027>

Haddad, C. & Hornuf, L. (2019). The emergence of the global Fintech market: economic and technological determinants. *SmallBusinessEconomics*, 53(1), 81-105. <https://doi.org/10.1007/s11187-018-9991-x>

Iqbal M., Kalim R., Ul-Durar S. & Varma A. (2024). Environmental sustainability through aggregate demand behavior-does knowledge economy have global responsibility? *Journal of Global Responsibility*, 15(2), 158-178. <https://doi.org/10.1108/JGR-02-2023-0018>

Mcgrath, M., Waehama, W., Korthaus, A., & Fong, M.W. (2014). ICT Adoption and the UTAUT Model. *Proceedings of the International Conference on Educational Technology with Information Technology*, 17, 24-30 .

Venkatesh, P., Gnanadass, Ramachandran & Padhy, N.P. (2003). Comparison and application of evolutionary programming techniques to combined economic emission dispatch with line flow constraints. *IEEE Transactions on Power Systems*, 18(2), 688-697. <https://doi.org/10.1109/TPWRS.2003.811008>

Ngày nhận bài: 25/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 8/6/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/6/2026

FINTECH PROMOTING SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES

● PHAM QUOC HUAN

Faculty of Accounting and Finance,
Electric Power University

ABSTRACT:

This study identifies factors influencing FinTech adoption among SMEs to enhance performance and achieve sustainable development goals. Using the UTAUT model, it examines the roles of performance expectancy, effort expectancy, social influence, facilitating conditions, and experience. The findings highlight the importance of social and external factors in shaping adoption intention. The study proposes managerial and policy implications to promote FinTech adoption, improve performance, and support sustainability.

Keywords: FinTech, UTAUT, structural equation modeling, SMEs, sustainable development goals.